

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM SUN VINA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM SUN VINA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SUN VINA PRODUCT DEVELOPMENT AND TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: SUN VINA PDAT CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110640690

**3. Ngày thành lập:** 06/03/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 82/28 đường Xuân La, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0817060637

Fax:

Email: kimdung1974@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                            | 4322        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4329        |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4330        |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4390        |
| 5.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>Chi tiết: - Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác<br>- Bán buôn hoa và cây<br>- Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản<br>- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa) | 4620        |
| 6.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm<br>Trừ đấu giá                                                                                                                                                                                                                                               | 4651        |
| 7.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông<br>Chi tiết: - Bán buôn mạch in;<br>- Bán buôn thiết bị điện thoại và truyền thông;<br>- Bán buôn tivi, radio, thiết bị vô tuyến, hữu tuyến<br>Loại trừ kinh doanh thiết bị, phần mềm nguy trang dùng để ghi âm, ghi hình, định vị.                           | 4652(Chính) |

|     |                                                                                                                                                                                                                                            |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 8.  | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan<br>Chi tiết: - Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác<br>- Bán buôn dầu thô<br>- Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan<br>- Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan | 4661 |
| 9.  | Khai thác lâm sản khác trừ gỗ<br>Trừ các loại nhà nước cấm                                                                                                                                                                                 | 0231 |
| 10. | Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ<br>Trừ các loại nhà nước cấm                                                                                                                                                                                  | 0232 |
| 11. | Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp<br>Trừ các loại nhà nước cấm                                                                                                                                                                                  | 0240 |
| 12. | Khai thác thủy sản biển<br>Trừ các loại nhà nước cấm                                                                                                                                                                                       | 0311 |
| 13. | In ấn<br>Trừ hoạt động in, đúc tiền                                                                                                                                                                                                        | 1811 |
| 14. | Dịch vụ liên quan đến in<br>Trừ hoạt động in, đúc tiền                                                                                                                                                                                     | 1812 |
| 15. | Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng                                                                                                                                                                                | 2593 |
| 16. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                          | 4101 |
| 17. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                    | 4102 |
| 18. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                              | 4211 |
| 19. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                               | 4212 |
| 20. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                   | 4221 |
| 21. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                        | 4222 |
| 22. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                         | 4223 |
| 23. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                          | 4229 |
| 24. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                                   | 4291 |
| 25. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                                                            | 4292 |
| 26. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                                                      | 4293 |
| 27. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                 | 4299 |
| 28. | Phá dỡ<br>Không bao gồm dịch vụ nổ mìn, hoạt động rà phá bom, mìn                                                                                                                                                                          | 4311 |
| 29. | Chuẩn bị mặt bằng<br>Không bao gồm dịch vụ nổ mìn, hoạt động rà phá bom, mìn                                                                                                                                                               | 4312 |
| 30. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                      | 4321 |

**6. Vốn điều lệ:** 9.800.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: TRẦN THỊ KIM DUNG

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 1974

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 311470731

Ngày cấp: 16/08/2017

Nơi cấp: Công an tỉnh Tiền Giang

Địa chỉ thường trú: Ấp Lý Quàn 1, Xã Phú Đông, Huyện Tân Phú Đông, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Ấp Lý Quàn 1, Xã Phú Đông, Huyện Tân Phú Đông, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN THỊ KIM DUNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 1974

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 311470731

Ngày cấp: 16/08/2017

Nơi cấp: Công an tỉnh Tiền Giang

Địa chỉ thường trú: Ấp Lý Quàn 1, Xã Phú Đông, Huyện Tân Phú Đông, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Ấp Lý Quàn 1, Xã Phú Đông, Huyện Tân Phú Đông, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội